

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 15/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thiêng;

Bà Phạm Thị Cang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Khánh Vy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức N, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1994 tại: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1968 và bà Lê Thị N, sinh năm 1969; vợ Bùi Thị Tường V, sinh năm 1995; bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 26/6/2023, bị Công an quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Ngày 15/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 14/9/2018, bị Công An thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 16/12/2019, bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 12 tháng. Ngày 29/12/2021, bị Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định giáo dục tại xã, phường thời gian 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 06/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong 01 vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông **Trần Hữu P**, sinh năm 1986; trú tại: thôn L, xã N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà **Châu Thị Bích L**, sinh năm 1988; trú tại: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1987; trú tại: khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/6/2023, Nguyễn Đức N bị Công an quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Vào khoảng 02 giờ ngày 30/6/2023, Nguyễn Đức N (điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo LX màu trắng biển kiểm soát 92S3-0700 chở Châu Thị Bích L là người yêu của N đi đến thị trấn V, thị xã Đ để đi dạo kiếm đồ ăn khuya nhưng không có. N nói với L: “*để ta chở mi đi xuống cầu C cho biết hí*” thì L đồng ý. N điều khiển xe chở L đi theo hướng xuống thành phố H qua cầu C về hướng xã H, huyện D. Do không biết đường nên N điều khiển xe lạc vào khu tái định cư xã H rồi đi đến đường Thanh niên. Khi đến UBND xã H hướng ra bến cá A, N dừng xe lại đi vệ sinh thì thấy bên trái đường có một chiếc xe tự chế (dạng xe bò) để trước nhà thờ Kiều Văn tộc nên N nảy sinh ý định trộm cắp xe bò này. N nói với L: “*xe bò ni để không ở đó, chắc không có ai đâu, để kéo xe ni về*”, L nói lại: “*thôi đừng lấy chi, camera nhiều đó*”. Tiếp đó, có một người điều khiển xe máy đi đến, N hỏi giờ này có ai bán sữa, đồ ăn không thì người này trả lời: “*đi ra ngoài bến cá nó*” nên N chở L ra hướng bến cá. Đến gần bến cá, N hỏi được đường về cầu C nên N chở L ra tiệm bánh mì và nói L đứng mua bánh mì chờ N. Lúc này, N điều khiển xe quay lại chỗ nhà thờ Kiều Văn Tộc, quay đầu xe và vào kéo xe bò ra để cần xe bò lên yên xe rồi ngồi đề lên điều khiển xe ra bến cá. Khi đến ngã tư gần bến cá, N thấy L đang đứng nên nói: “*lên xe về*”, L có hỏi: “*xe bò mô ri*” nhưng N bảo: “*mi đừng hỏi nhiều, lên xe ngồi đi*”. Sau đó, L lên xe ngồi lên cần xe bò để N điều khiển xe chở L kéo xe bò về hướng T, N về nhà. Đến khu vực thị trấn V, L nói “*xe sóc đau bụng quá*” nên N điều khiển xe đến địa điểm có để sắt thép nhiều dừng xe lại, kéo xe bò lên lề bên trái đường và để xe bò tại đây rồi N và L về nhà. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, N xuống vị trí để xe bò kéo xe bò về để tại sân nhà thờ (không rõ tên) cách nhà N khoảng 200m rồi đi uống cà phê. Sau đó, N bị Cơ quan Công an mời làm việc. Tại đây, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 xe bò tự chế.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện D kết luận: 01 xe tự chế (xe bò) có khung, thanh ngang, thanh dọc bằng kim loại được sơn màu đen, trục và vành bánh xe được sơn màu xanh, trên mặt ván phía sau được ốp một lớp xốp màu đen tại thời điểm bị mất có giá trị là 1.578.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSDX ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 09 đến 12 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tất cả khai nhận phù hợp lời khai của bị cáo như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc; kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/6/2023, bị cáo Nguyễn Đức N bị Công an quận L, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 2.500.000 đồng, nhưng vào ngày 30/6/2023 tại trước nhà thờ Kiều Văn tộc (thuộc thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam) bị cáo Nguyễn Đức N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe bò tự chế của ông Trần Hữu P (trú tại: thôn L, xã N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) có giá trị 1.578.000 đồng.

Vì vậy, hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo thì thấy: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời xử phạt nghiêm minh những ai có hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản đó. Bị cáo Nguyễn Đức N là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng do bản tính tham lam, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại nhằm mục đích để phục vụ cá nhân. Hành vi mà bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Sử dụng trái phép chất ma túy”, nhiều lần bị kết án về các tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích) nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện việc phạm tội trộm cắp tài sản, điều này cho thấy bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt bị cáo tương xứng với hành vi

thực hiện việc phạm tội đã gây ra và nhân thân của bị cáo để có điều kiện cải tạo giáo dục riêng, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp thu hồi trả lại cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nhiều người thân trong gia đình có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ ruột bị bệnh hiểm nghèo, con còn nhỏ dại là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe bò tự chế cho ông Trần Hữu P và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng đồng có ốp lưng nhựa màu tím (không kiểm tra chất lượng bên trong) cho bà Châu Thị Bích L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với bà Châu Thị Bích L biết việc bị cáo Nguyễn Đức N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo N thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với bà L về hành vi “Không tố giác tội phạm” là phù hợp.

Đối với xe mô tô hiệu Nouvo LX màu trắng, biển kiểm soát 92S3-0700, đây là xe bị cáo Nguyễn Đức N thuê tại dịch vụ cầm đồ K do ông Lê Xuân T làm chủ, xe này đang bị tạm giữ trong vụ án khác nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Nút **09 (Chín)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 15/3/2024*). Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Chi cục THADS huyện D;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****Lê Tỵ Soái**

